

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

MÃ NGỌC THỂ

**THÍCH ỨNG CỦA SINH VIÊN DÂN TỘC THIỂU SỐ
VỚI HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP**

Chuyên ngành: **Tâm lý học chuyên ngành**

Mã số: **62 31 04 01**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ TÂM LÝ HỌC

HÀ NỘI – 2016

Công trình được hoàn thành tại:
Khoa Tâm lý học - Học viện Khoa học xã hội

Người hướng dẫn khoa học: GS.TS TRẦN THỊ MINH ĐỨC

Phản biện 1: GS.TS. Trần Hữu Luyện

Phản biện 2: PGS.TS. Nguyễn Đức Sơn

Phản biện 3: PGS.TS. Trương Thị Khánh Hà

Luận án sẽ được bảo vệ trước hội đồng chấm luận án cấp
Học viện tại: Học viện Khoa học xã hội

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc Gia
- Thư viện Học viện Khoa học xã hội

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

1.1. Thích ứng là phản ứng của con người trước những khó khăn trong cuộc sống. Mỗi cá nhân, con người phải biết cách ứng phó bằng cách tự điều chỉnh tâm lý, hoạt động của mình sao cho phù hợp để đảm bảo sự tồn tại và phát triển cá nhân.

1.2. Hiện nay ở Việt Nam đã có một số đề tài nghiên cứu về thích ứng tâm lý trong hoạt động học tập của sinh viên như Dương Thị Thoan (2010) [67], Đặng Thị Lan (2012) [32], Nguyễn Thị Út Sáu (2013) [58], Đặng Thanh Nga (2014) [50]. Các nghiên cứu này gợi mở ý tưởng trong việc làm rõ thực trạng và đưa ra các biện pháp cụ thể tác động nâng cao mức độ thích ứng học tập cho SV DTTS.

1.3. Môi trường đại học là môi trường có nhiều khó khăn, luôn tạo ra áp lực cho SV DTTS. Nghiên cứu thích ứng của SV DTTS với hoạt động học tập có ý nghĩa về mặt thực tiễn và hoàn toàn cấp thiết trong giai đoạn đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam. Đó chính là lý do chúng tôi chọn đề tài nghiên cứu: “**Thích ứng của sinh viên dân tộc thiểu số với hoạt động học tập**” làm Luận án Tiến sĩ của mình.

2. Mục đích và Nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực trạng thích ứng của sinh viên dân tộc thiểu số với hoạt động học tập, luận án thực hiện một số tác động sư phạm tăng cường phương pháp giảng dạy cho giảng viên, tổ chức nhóm, câu lạc bộ kỹ năng sống, tham vấn tâm lý, qua đó đề xuất một số kiến nghị nhằm nâng cao mức độ thích ứng cho sinh viên trong hoạt động học tập.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

2.2.1. Nghiên cứu lý luận thích ứng; phân tích các khái niệm, các khuynh hướng nghiên cứu, xây dựng tiêu chí xác định sự thích ứng và không thích ứng của SV DTTS với hoạt động học tập.

2.2.2. Khảo sát thực trạng và phân tích các biểu hiện thích ứng của SV DTTS với hoạt động học tập, phân tích những ảnh hưởng của

các yếu tố chủ quan và khách quan đến sự thích ứng của SV DTTS với hoạt động học tập ở trường đại học.

2.2.3. Đề xuất một số biện pháp cơ bản để nâng cao mức độ thích ứng cho SV DTST với hoạt động học tập.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Biểu hiện và mức độ thích ứng của sinh viên dân tộc thiểu số với hoạt động học tập.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

3.2.1. Giới hạn về nội dung nghiên cứu

Nghiên cứu thích ứng học tập của SV biểu hiện qua mặt nhận thức, thái độ và hành vi. Luận án nghiên cứu trên SV DTTS, không nghiên cứu trên SV dân tộc Kinh. Các đặc điểm cá nhân về tính cách, tính tích cực hoạt động và giao tiếp, ý chí khắc phục khó khăn, điều kiện sống...là những yếu tố cơ bản nhất ảnh hưởng đến thích ứng của SV DTTS với hoạt động học tập.

3.2.2 Giới hạn về khách thể nghiên cứu

Khách thể là SV DTTS thuộc các dân tộc điển hình như Tày, H'Mông - Dao và dân tộc khác đang học từ năm I đến năm III.

3.2.3. Giới hạn về địa bàn nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành ở trường Đại học Tân Trào, tỉnh Tuyên Quang.

4. Phương pháp và phương pháp luận nghiên cứu

4.1. Nguyên tắc phương pháp luận

Nghiên cứu được thực hiện dựa trên cơ sở một số nguyên tắc phương pháp luận trong tâm lý học sau: Nguyên tắc hoạt động - nhân cách ; Nguyên tắc hệ thống ; Nguyên tắc phát triển.

4.2. Các phương pháp nghiên cứu

Trong đề tài này, chúng tôi sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau: Phương pháp nghiên cứu văn bản, tài liệu; Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi; Phương pháp quan sát; Phương pháp phỏng vấn sâu; Phương pháp nghiên cứu sản phẩm của hoạt động; Phương pháp tham vấn tâm lý; Phương pháp thống

kê toán học. Mục đích và cách thức sử dụng được trình bày chi tiết trong Chương 3 của luận án.

5. Đóng góp mới về khoa học của luận án

5.1. Đóng góp về mặt lý luận

- Luận án đã khái quát được những vấn đề lý luận, khái niệm về sự thích ứng, thích ứng của SV DTTS với hoạt động học tập; Xác định biểu hiện thích ứng, các tiêu chí đánh giá thích ứng; các yếu tố ảnh hưởng đến sự thích ứng.

5.2. Đóng góp về mặt thực tiễn

Kết quả nghiên cứu của luận án đã làm sáng tỏ thực trạng thích ứng của SV DTTS với hoạt động học tập biểu hiện qua ba mặt nhận thức, thái độ và hành vi. Luận án chỉ ra các yếu tố chủ quan và các yếu tố khách quan ảnh hưởng đến sự không thích ứng của SV DTTS. Đề xuất được một số biện pháp cơ bản và sử dụng tham vấn tâm lý để nâng cao mức độ thích ứng học tập cho SV nói chung và SV DTTS nói riêng.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

Luận án góp phần cung cấp cơ sở khoa học, bổ sung thông tin lý luận, là tài liệu tham khảo cho học viên cao học và sinh viên khối ngành sư phạm, các nhà nghiên cứu về chính sách xã hội, cán bộ quản lý, giảng viên các trường Đại học, Cao đẳng.

7. Cơ cấu của luận án

Luận án bao gồm các phần và các chương như sau:

- Mở đầu.
- Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu về thích ứng của sinh viên dân tộc thiểu số với hoạt động học tập.
- Chương 2: Cơ sở lý luận về thích ứng của sinh viên dân tộc thiểu số với hoạt động học tập.
- Chương 3: Tổ chức và phương pháp nghiên cứu.
- Chương 4: Kết quả nghiên cứu thực tiễn thích ứng của sinh viên dân tộc thiểu số với hoạt động học tập.
- Kết luận.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VỀ THÍCH ỨNG CỦA SINH VIÊN DÂN TỘC THIỂU SỐ VỚI HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

1.1. Tình hình nghiên cứu ở ngoài nước

1.1.1. Hướng nghiên cứu về thích ứng chung

Các công trình nghiên cứu của các tác giả Jean Lamarck (1809), Herbert Spencer (1852), Charles Darwin (1859), ...J. Piaget, S. Freud, I.P. Pavlov (1890), J.Watson (1913), Tremblay (1992), Dupont và Ossandon (1999) đã đưa ra các khái niệm về thích ứng.

1.1.2. Hướng nghiên cứu về thích ứng với hoạt động học tập của học sinh, sinh viên

Có nhiều tác giả Allen (1990), P.Zettergren (2003), Volgina T.Iu (2007), A.E Piskun (2011)...phần lớn cho rằng, khó khăn tạo ra trong quá trình thích ứng của SV với hoạt động học tập liên quan đến xúc cảm, tình cảm hay môi trường giao tiếp.

1.1.3. Hướng nghiên cứu về thích ứng với môi trường đại học

Nhà nhân chủng học Mỹ, K. Oberg (1960) nhắc đến “sốc văn hóa” và sau này như: P.S. Adler, E. H. Jacobson, A.C. Garza – Guerrero... Từ các nghiên cứu của Zarka (1976) đến Chenard (1988), De Ketele (1993), Tremblay (1992) nghiên cứu sự thích ứng của SV nước ngoài khi học tập trong môi trường văn hóa mới.

1.2. Tình hình nghiên cứu ở trong nước

1.2.1. Hướng nghiên cứu về thích ứng nghề

Các tác giả Đỗ Mạnh Tôn (1996), Nguyễn Thạc (2003), Dương Thị Nga, (2012), Nguyễn Thị Hiền (2015), Nguyễn Thanh Nga (2015)...nghiên cứu về thích ứng mang tính chất nghề nghiệp.

1.2.2. Hướng nghiên cứu thích ứng với hoạt động học tập của học sinh, sinh viên

Có thể kể đến các tác giả tiêu biểu cho hướng nghiên cứu này như Dương Thị Thoan (2010), Vũ Dũng (2012), Mã Ngọc Thê, (2012), Đặng Thị Lan (2012), Nguyễn Thị Út Sáu (2013), Đặng Thanh Nga (2014)...có những hướng tiếp cận và lý giải khác nhau về các yếu tố ảnh hưởng đến sự thích ứng của học sinh, sinh viên với hoạt động học tập.

1.2.3. Hướng nghiên cứu về thích ứng của học sinh - sinh viên dân tộc thiểu số

Các công trình nghiên cứu về dân tộc thiểu số như Phùng Thị Hằng, (2012), Nguyễn Thị Mỹ Lộc (2012) và cộng sự Nguyễn Thị Ngọc (2013), Nguyễn Thị Hoài (2007), Ngô Giang Nam, (2013), Nguyễn Thị Lan Anh (2015), Mã Ngọc Thê (2015)...các nghiên cứu này còn mỏng, có nhiều khoảng trống và cần phân tích sâu hơn về thực tiễn.

Tiểu kết chương 1

Những nghiên cứu về thích ứng của các tác giả nước ngoài đã đem lại cho chúng tôi một cách nhìn tổng quan và khái quát hơn về các khía cạnh của thích ứng cũng như thích ứng với hoạt động học tập. Các nghiên cứu cũng đã đề cập đến đời sống, văn hóa, kỹ năng sống, kỹ năng thực hành nghề nghiệp của sinh viên trong tương lai.

Ở Việt Nam cho đến nay có rất ít nghiên cứu về thích ứng của SV DTTS với hoạt động học tập, đặc biệt là nghiên cứu thích ứng trên các năm học khác nhau mặc dù đây là vấn đề rất cần thiết cho thực tiễn. Chính vì vậy, sự lựa chọn hướng nghiên cứu về sự thích ứng của sinh viên dân tộc thiểu số với hoạt động học là hướng đúng cho đề tài của luận án này.

CHƯƠNG 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ THÍCH ỨNG CỦA SINH VIÊN DÂN TỘC THIỂU SỐ VỚI HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

2.1. Một số khái niệm cơ sở

2.1.1. Thích ứng

2.1.1.1. Khái niệm thích ứng

Thích ứng là sự thay đổi tích cực, chủ động của con người về nhận thức, thái độ và hành vi để vượt qua khó khăn nhằm đáp ứng được các yêu cầu của cuộc sống”.

2.1.1.2. Tiêu chí đo biểu hiện của sự thích ứng

Để xác định được các tiêu chí đánh giá mức độ thích ứng chúng tôi dựa vào tiêu chí: 1/ Tính tích cực. 2/ Tính tự giác. Từ các tiêu chí tính tích cực, tính tự giác chúng tôi xây dựng mức độ thích ứng thành 4 mức độ từ thấp đến cao

2.1.2. Hoạt động học tập của sinh viên dân tộc thiểu số

2.1.2.1. Sinh viên dân tộc thiểu số

- Sinh viên là những người đang theo học ở bậc Đại học và Cao đẳng. Dân tộc thiểu số là dân tộc chiếm số ít, so với dân tộc chiếm số đông nhất trong một nước có nhiều dân tộc. Sinh viên dân tộc thiểu số là SV thuộc các dân tộc ít người.

- Một số đặc điểm tâm lý cơ bản của sinh viên dân tộc thiểu số có liên quan đến hoạt động học tập: *Về trình độ nhận thức và tự đánh giá; Về đời sống tình cảm; Về mối quan hệ xã hội; Về đặc trưng văn hóa.*

2.1.2.2. Hoạt động học tập

a. Khái niệm

Hoạt động học tập là hoạt động có mục đích của chủ thể nhằm lĩnh hội những tri thức, kỹ năng, kỹ xảo của loài người được kết

ting trong nền văn hoá xã hội, biến nó thành vốn riêng để từ đó vận dụng vào thực tiễn phục vụ cho cuộc sống và hoàn thiện nhân cách của bản thân.

b. Đặc điểm của hoạt động học tập

HDHT có các đặc điểm cơ bản thể hiện bản chất của nó như sau: *Đối tượng của hoạt động học tập là những tri thức, kỹ năng, kỹ xảo tương ứng với nó. Hoạt động học tập là hoạt động hướng vào làm thay đổi và phát triển tâm lý của chính chủ thể. Hoạt động học tập là hoạt động được điều khiển bởi mục đích có ý thức nhằm tiếp thu những tri thức, kỹ năng, kỹ xảo. Hoạt động học tập là hoạt động tiếp thu phương pháp học tập.*

2.2. Sự thích ứng của sinh viên dân tộc thiểu số với hoạt động học tập trong trường đại học

2.2.1. Khái niệm thích ứng của sinh viên dân tộc thiểu số với hoạt động học tập

“Thích ứng của sinh viên dân tộc thiểu số với hoạt động học tập là sự thay đổi tích cực, chủ động của sinh viên về nhận thức, thái độ và hành vi để vượt qua khó khăn trong môi trường đại học nhằm đáp ứng được các yêu cầu của hoạt động học tập.”

2.2.2. Biểu hiện thích ứng của sinh viên dân tộc thiểu số với hoạt động học tập

Luận án xác định các biểu hiện thích ứng của SV DTTS qua các mặt: Nhận thức, Thái độ và Hành vi. Đánh giá thích ứng theo 04 mức độ: Thấp, Trung bình, Khá, Tốt.

2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến thích ứng của sinh viên dân tộc thiểu số với hoạt động học tập

Bao gồm:

- Các yếu tố chủ quan (*Tính cách cá nhân; Tính tích cực hoạt động và giao tiếp; Ý chí khắc phục khó khăn*);
- Các yếu tố khách quan (*Phương pháp giảng dạy của giảng viên; Đặc điểm hoạt động học tập; Điều kiện sống*).

Tiểu kết chương 2

Thích ứng là sự thay đổi tích cực, chủ động của con người về nhận thức, thái độ, hành vi để vượt qua khó khăn nhằm đáp ứng được các yêu cầu của cuộc sống. Thích ứng của SV DTTS được xem xét trên cơ sở biểu hiện qua ba mặt nhận thức, thái độ và hành vi. Thích ứng học tập của SV phải có sự thống nhất giữa ba mặt với nhau. Các mức độ thích ứng được đánh giá theo các mức độ thấp, trung bình, khá và tốt.

Những yếu tố chủ quan (tính cách cá nhân, tính tích cực hoạt động và giao tiếp, ý chí khắc phục khó khăn) và yếu tố khách quan (phương pháp giảng dạy của giảng viên, điều kiện sống, đặc điểm học tập) có ảnh hưởng rất nhiều đến thích ứng của SV DTTS với hoạt động học tập.

Từ những kết quả nghiên cứu lý luận có thể thấy luận án đã hoàn thành nhiệm vụ thứ nhất của đề tài. Đây là cơ sở lý luận để chúng tôi xác định nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức nghiên cứu.

CHƯƠNG 3

TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. Tổ chức nghiên cứu

3.1.1. Vài nét về địa bàn nghiên cứu

Trường Đại học Tân Trào với phần lớn sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc 22 dân tộc (Tày, H'mông - Dao, Cao Lan, Sán Chỉ, Nùng, Hoa và một số dân tộc khác như Lô Lô, Pà Thẻn,...) đến từ các tỉnh thành khu vực miền núi Đông Bắc và Tây Bắc.

3.1.2. Tổ chức nghiên cứu

3.1.2.1. Nghiên cứu lý luận

Giới thiệu tổng quan các công trình nghiên cứu của những tác giả trong và ngoài nước về vấn đề thích ứng và hoạt động học tập; Hệ thống hóa các khái niệm về thích ứng của SV DTTS với hoạt động học tập; Xác lập quan điểm chủ đạo trong nghiên cứu thích ứng.

3.1.2.2. Nghiên cứu thực tiễn

Nghiên cứu thực tiễn được thực hiện qua các giai đoạn: Giai đoạn thiết kế bảng hỏi, giai đoạn điều tra chính thức, xử lý số liệu, đề xuất các biện pháp tác động. Mỗi giai đoạn có mục đích, phương pháp nghiên cứu khác nhau.

3.1.3. Mẫu nghiên cứu thực trạng

Chúng tôi lựa chọn là 630 sinh viên dân tộc thiểu số đang học từ năm I đến năm III tại trường Đại học Tân Trào, tỉnh Tuyên Quang.

3.2. Phương pháp nghiên cứu

Có 7 phương pháp, mỗi phương pháp chúng tôi đều trình bày rõ *Mục đích*; *Nội dung*; *Cách thức tiến hành*.

CHƯƠNG 4

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU THỰC TIỄN VỀ THÍCH ỨNG CỦA SINH VIÊN DÂN TỘC THIỂU SỐ VỚI HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

4.1. Thực trạng thích ứng học tập của SV DTTS

4.1.1. Đánh giá chung về thực trạng thích ứng học tập của sinh viên dân tộc thiểu số

Trước khi phân tích cụ thể các biểu hiện, các khía cạnh thích ứng của SV DTTS, chúng tôi đánh giá chung về thực trạng thích ứng của SV DTTS qua kết quả tổng hợp dưới đây:

Bảng 4.1: Đánh giá chung về ba mặt thích ứng của SV DTTS với hoạt động học tập

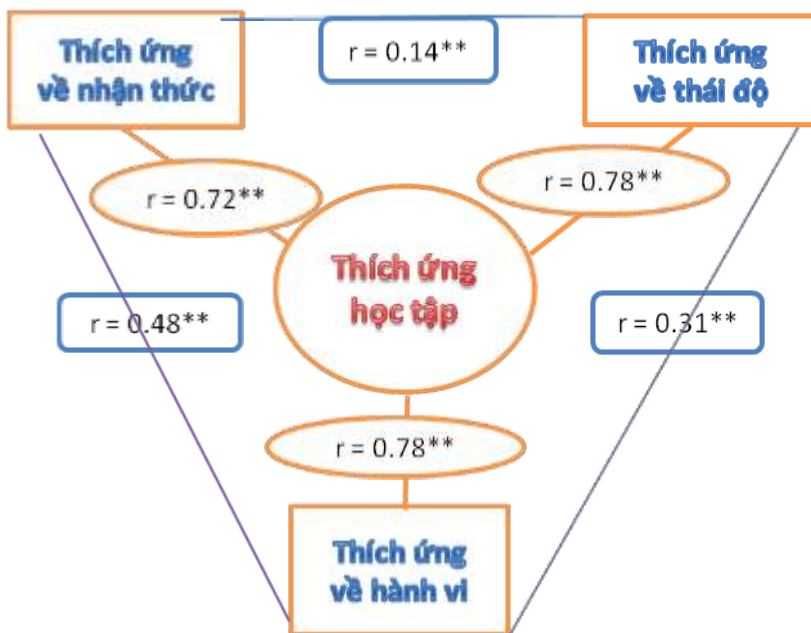
STT	Nội dung	ĐTB	ĐLC	MĐTU'
1	Biểu hiện qua nhận thức	3.13	0.37	TB
2	Biểu hiện qua thái độ	3.26	0.43	Khá
3	Biểu hiện qua hành vi	3.09	0.33	TB
Trung bình chung		3.18	0.27	Khá

Nhìn vào bảng số liệu trên cho thấy, ba mặt biểu hiện thích ứng có những khác biệt về điểm số. Xét cụ thể, mặt thái độ có điểm giá trị trung bình cao nhất (ĐTB = 3.26), sau đó là nhận thức (ĐTB = 3.13). và thấp nhất là mặt hành vi (ĐTB = 3.09) với tổng điểm TBC = 3.18. Như vậy, SV DTTS có sự thích ứng học tập xếp ở mức độ Khá.

4.1.2. Mối quan hệ tương quan giữa các mặt biểu hiện sự thích ứng học tập

Phân tích kết quả cho thấy, sự tương quan thuận giữa giữa 3 khía cạnh nhận thức, thái độ, hành vi. Xem sơ đồ bên dưới:

Sơ đồ: Mối tương quan giữa các mặt của thích ứng

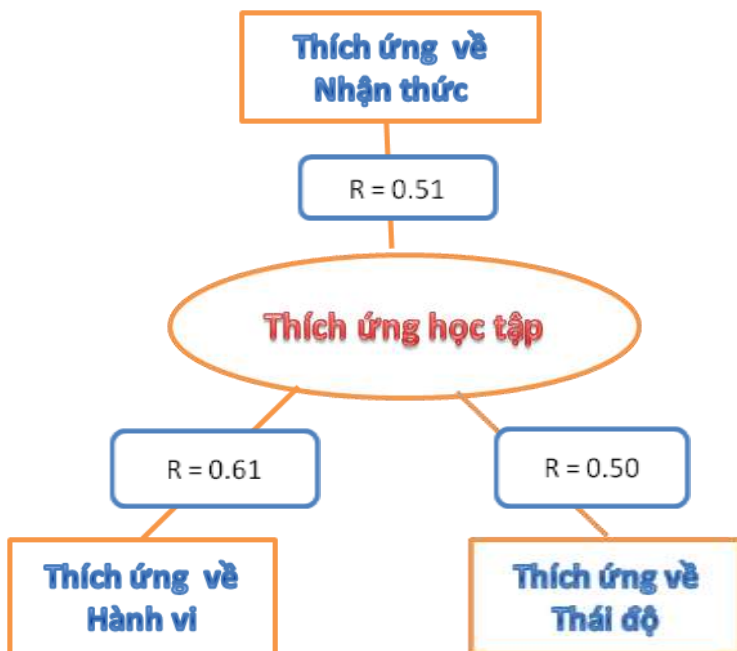


*Ghi chú: ** Mức ý nghĩa $p < 0.01$*

Kết quả nghiên cứu cho thấy, mối quan hệ giữa yếu tố nhận thức và hành vi có mức độ tương quan mạnh nhất ($r = 0.48$), tiếp đó là mối quan hệ giữa hành vi với thái độ ($r = 0.31$) và mức độ tương quan yếu hơn cả mối quan hệ giữa nhận thức và thái độ ($r = 0.14$). Nhưng khi đánh giá mối quan hệ tương quan giữa ba mặt của thích ứng với sự thích ứng học tập nói chung thì kết quả lại có xu hướng ngược lại, sự thích ứng về mặt nhận thức với sự thích ứng học tập nói chung có tương quan yếu hơn ($r = 0.72$) so với hai mặt còn lại ($r = 0.78$).

Sự thích ứng về mặt nhận thức giải thích được 5.1% sự biến thiên của sự thích ứng học tập nói chung, mức độ giải thích này cũng ngang bằng vai trò của sự thích ứng về mặt thái độ ($R = 0.50$). Tuy nhiên, sự thích ứng về mặt hành vi có thể giải thích tới ($R = 0.61$) sự biến thiên của sự thích ứng học tập nói chung.

Sơ đồ 2: Tác động của nhận thức, thái độ, hành vi đến thích ứng học tập



*Ghi chú: ** Mức ý nghĩa $p < 0.01$*

Từ các kết quả trên, chúng ta có thể khẳng định rằng, trong ba mặt biểu hiện của sự thích ứng học tập điểm giá trị trung bình của hai khía nhận thức, thái độ có cao hơn nhưng xét về mặt thực tiễn khía cạnh hành vi có ảnh hưởng lớn hơn cả. Nó có tính chất quyết định đối với sự thích ứng với hoạt động của SV DTTS.

4.2. Các khía cạnh thích ứng học tập của SV DTTS

4.2.1. Thích ứng của sinh viên xét theo năm học

4.2.1.1. Mức độ thích ứng thể hiện nhận thức hiểu biết của

SV

Chúng tôi tìm hiểu thích ứng của SV xét theo năm học và xem xét nó trên cơ sở mặt nhận thức của SV từ năm I đến năm III. Kết quả được tổng hợp cho thấy, phần lớn SV DTTS năm I xếp mức độ thích ứng Trung bình về nhận thức ($\text{ĐTB} = 2.92$; $\text{ĐLC} = 0.58$). Với sinh viên năm II có mức độ thích ứng khác hơn, SV năm II có điểm cao hơn SV năm I nhưng vẫn đạt mức độ thích ứng trung bình về mặt nhận thức ($\text{ĐTB} = 3.01$; $\text{ĐLC} = 0.57$). Với sinh viên năm III, chúng ta thấy có sự khác biệt mức độ thích ứng về mặt nhận thức của SV DTTS (tổng $\text{ĐTB} = 3.46$; $\text{ĐLC} = 0.70$). Trong đó phần lớn SV đạt mức độ khá thích ứng về mặt nhận thức.

4.2.1.2. Đánh giá mức độ thích ứng qua mặt thái độ

Biểu hiện thái độ học tập trên lớp và ở nhà của SV DTTS có điểm giá trị cao hơn so với biểu hiện thái độ tương tác với bạn học và giảng viên lần lượt là ($\text{ĐTB} = 3.44$; $\text{ĐTB} = 0.40$) và ($\text{ĐTB} = 3.09$; $\text{ĐTB} = 0.48$). Phần lớn SV DTTS có sự thích ứng khá về mặt thái độ trong hoạt động học tập. Giữa sinh SV năm I, II có những tương đồng nhất định. Ở SV năm II vẫn còn nội dung đạt điểm giá trị ở mức độ thích ứng Thấp là thái độ tương tác với bạn học và giảng viên.

4.2.1.3. Mức độ thích ứng học tập thể hiện qua mặt hành vi

Với sinh viên năm I có nhóm hành vi giao tiếp ra quyết định và tư duy tích cực đạt mức độ thích ứng Thấp ($\text{ĐTB} = 1.99$; $\text{ĐLC} = 0.38$). Điểm trung bình từ 1.90 đến 2.20. Các yếu tố này liên quan đến hành vi làm chủ các phương pháp học tập ($\text{ĐTB} = 1.90$)... giao

tiếp với bạn học và giảng viên (ĐTB = 2.18), hành vi điều chỉnh cảm xúc (ĐTB = 2.20).

Với sinh viên năm II có nội dung đạt mức độ thấp, điều chỉnh cảm xúc khi tự học ở nhà (ĐTB = 2.16). Có hai kỹ năng đạt mức độ thích ứng tốt như kỹ năng Xác định, nhận diện vấn đề học tập (ĐTB = 3.76), và Làm chủ các phương pháp học tập (ĐTB= 3.83). Như vậy, có một nội dung có lặp lại từ SV năm I với năm thứ II có mức độ thích ứng thấp đối với hành vi điều chỉnh cảm xúc.

Với sinh viên năm III, kết quả cho thấy phần lớn điểm giá trị đạt mức độ thích ứng từ Trung bình đến Tốt (2.64 đến 4.41), tập trung nhiều vào điểm số đạt mức độ khá, có 2 nội dung đạt mức độ thích ứng tốt về mặt hành vi, lần lượt là Làm chủ các phương pháp học tập (ĐTB = 4.37), Kỹ năng Xác định, nhận diện vấn đề học tập (ĐTB = 4.41). Tuy nhiên, sinh viên năm III có mức độ thích ứng trung bình về hành vi có liên quan đến điều chỉnh cảm xúc (ĐTB = 2.64). Kỹ năng này có thể là yếu điểm của bất cứ SV nào. Kết quả của cả 3 năm học cho thấy phần lớn SV DTTS đạt mức độ thích ứng Trung bình.

4.2.2. Thích ứng học tập của sinh viên xét theo dân tộc

4.2.2.1. Thích ứng biểu hiện qua mặt nhận thức

Kết quả tổng hợp thu được thể hiện qua bảng dưới đây:

Bảng 4.2: Thích ứng nhận thức của sinh viên xét theo nhóm dân tộc

Các nhóm dân tộc	SL	ĐTB	ĐLC	MĐTU'
1. Tày	219	3.15	0.70	Khá
2. H'Mông - Dao	234	3.17	0.70	Khá
3. Dân tộc khác	177	3.06	0.65	TB
Trung bình chung		3.13	0.69	Khá

Bảng 4.2 cho thấy, nhóm SV H'Mông - Dao và nhóm SV Tày có mức độ thích ứng Khá còn nhóm SV các dân tộc khác có mức độ thích ứng Trung bình với hoạt động học tập qua mặt nhận thức. Xem xét theo SV DTTS nói chung đạt mức độ thích ứng Khá về mặt nhận thức.

4.2.2.2. Thích ứng biểu hiện qua mặt thái độ

Mức độ thích ứng về thái độ của SV dựa trên mỗi nhóm dân tộc được thống kê với các thông tin dưới đây:

Bảng 4.3: Thích ứng của các nhóm SV DTTS qua mặt thái độ

Các nhóm dân tộc	ĐTB	ĐLC	MĐTU'
1. Tày	3.32	0.56	Khá
2. H'Mông - Dao	3.32	0.57	Khá
3. Dân tộc khác	3.26	0.53	TB
Trung bình chung	3.39	0.56	Khá

Bảng 4.3 cho thấy, nhóm SV Tày, H'Mông - Dao đều đạt mức độ thích ứng Khá (ĐTB = 3.32) với thái độ đánh giá các vấn đề học tập cao hơn với các dân tộc khác (ĐTB = 3.26). Như vậy, phần lớn SV DTTS đều có thái độ theo chiều hướng tích cực, nhận thức được việc cầu thị, bổ sung kiến thức, thông tin sẽ giúp các em học tập tốt hơn. Đánh giá chung mức độ thích ứng về mặt thái độ hoạt động học tập của SV DTTS ở các nhóm đạt mức thích ứng khá..

4.2.2.3. Thích ứng biểu hiện qua mặt hành vi

Bảng 4.4 cho thấy, tất cả các nội dung sinh viên các dân tộc thiểu số đạt mức độ thích ứng trung bình về hành vi.

Bảng 4.4: Thích ứng của SV DTTS biểu hiện qua mặt hành vi

Các nhóm dân tộc	ĐTB	ĐLC	MĐTU'
1. Tày	3.14	0.62	Khá
2. H'Mông - Dao	3.11	0.62	Khá
3. Dân tộc khác	3.0	0.59	TB
Tổng	3.08	0.61	TB

Theo số liệu bảng trên sinh viên dân tộc Tày và H'mông - Dao đạt điểm giá trị mức độ thích ứng khá về mặt hành vi so với các sinh viên dân tộc khác. Đánh giá chung sinh viên các dân tộc có mức độ thích ứng trung bình về mặt hành vi.

4.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến thích ứng học tập của SV

4.3.1. Ảnh hưởng của các yếu tố chủ quan

4.3.1.1. Tính cách cá nhân

Kết quả điều tra cho thấy, phần lớn sinh viên trả lời tính cách có ảnh hưởng rất nhiều đến sự thích ứng (93.3%). Tính cách cá nhân của sinh viên bộc lộ trong học tập thể hiện quan *Tính ham hiểu biết, óc tìm tòi, sáng tạo* (ĐTB = 4.49; ĐLC = 0.96). Đây là những tác nhân tạo ra sự thay đổi rất lớn về cách nhìn nhận vấn đề, thái độ học tập và nhu cầu nâng cao sự hiểu biết ở sinh viên.

4.3.1.2 Tính tích cực hoạt động và giao tiếp

Xem xét yếu tố tích cực hoạt động và giao tiếp phần lớn sinh viên cho rằng ảnh hưởng nhiều đến sự thích ứng (72.4%).

Đánh giá về sự tham gia vào các hoạt động chung trong nhà trường (84.8 %) tham gia vào ban cán sự lớp, các nhóm học tập, các câu lạc bộ ở trong trường. Có (15.2%) sinh viên không tham gia vào các hoạt động chung. Sự giao tiếp với các bạn cùng lớp, cùng trường, (74.4%) sinh viên cho rằng có giao tiếp với bạn học, bạn cùng

trường. Số sinh viên còn lại cho rằng mình không có giao tiếp với bạn học, bạn cùng trường.

4.3.1.3. Ý chí khắc phục khó khăn

Với câu hỏi khi gặp những khó khăn trong học tập, sinh viên có bỏ học, bảo lưu kết quả học tập không? Có (19.7%) sinh viên trả lời có và (80.3%) sinh viên trả lời không nghĩ đến việc bỏ học.

Xem xét hành vi ứng phó của SV với các khó khăn trong học tập cho thấy có hai hướng tích cực và tiêu cực.

- Những hành vi ứng phó tích cực

Các hành vi ứng phó tích cực: *Tìm chỗ khác để có thể học được bài* (75.9%), *Mặc kệ mọi chuyện, vẫn coi như bình thường* (21.3%), *Cố gắng tìm cách khắc phục để có thể học tốt hơn* (42.7%), *Tìm đến bạn bè để cùng trao đổi, thảo luận bài học* (65.1%), *Tìm đến thầy, cô giáo để được cung cấp thêm kiến thức, phương pháp học tập* (60.7%). Ở cách ứng phó này Sv đã tìm đến những người có thể giúp giải quyết những khó khăn học tập như thầy cô giáo, bạn bè.

- Những hành vi ứng phó tiêu cực

Kết quả thu được cho thấy: SV có những ứng phó tiêu cực khi thường xuyên *nghe nhạc, xem tivi, ngủ, đọc truyện* (86.8 %), tình thoảng có suy nghĩ và hành động *mặc kệ mọi chuyện đến đâu thì đến* (42.4%), hoặc thỉnh thoảng *không học nữa bỏ đi đâu đó* (69.5%). Đây là những hành vi SV không thể kiểm soát được bản thân cho nên sẽ có những suy nghĩ thoái thác, chối bỏ để thoát ra khỏi khó khăn mà mình không đương đầu, đối phó được.

4.3.2. Ảnh hưởng của các yếu tố khách quan

4.3.2.1 Phương pháp giảng dạy của giảng viên

Phương pháp giảng dạy của giảng viên có ảnh hưởng lớn nhất (ĐTB = 3.83; ĐLC = 0.36). Có (83.8%) SV đánh giá phương

pháp giảng dạy có ảnh hưởng nhiều đến sự thích ứng cũng như kết quả học tập của SV.

4.3.2.2 Đặc điểm học tập của sinh viên

Kết quả học tập của sinh viên qua 2 học kì cho thấy, học kì I SV xếp loại học lực yếu (5.4%), trung bình (75.9%), khá (14.3%) và giỏi, xuất sắc (4.4%). Kết quả học tập ở học kì II có sự thay đổi khi SV trải qua quá trình rút kinh nghiệm học tập ở học kì I. Ở học kì II, do thích ứng học tập hơn nên phần lớn SV có học lực trung bình (38.6%) và khá (61.4%). Học kì II không có SV xếp loại học lực yếu hay kém.

4.3.2.3 Điều kiện sống

Kết quả điều tra cho thấy, phần lớn SV đánh giá yếu tố môi trường có ảnh hưởng nhiều đến sự thích ứng của SV với hoạt động học tập (64,7%). Số SV còn lại cho rằng nó ảnh hưởng rất ít hoặc không ảnh hưởng. Chúng tôi tìm hiểu một số đặc điểm dân tộc cũng như các điều kiện sống ảnh hưởng đến sự thích ứng của SV DTTS với hoạt động học tập, đối chiếu với điểm trung bình theo các mức độ thích ứng phần lớn các đánh giá đạt mức độ thích ứng khá trở lên như đặc điểm *Phong tục dân tộc* (ĐTB = 3.60), *Bản sắc văn hóa gia đình* (ĐTB = 3.78), *Đặc điểm tâm lý, tính cách dân tộc* (ĐTB = 3.74), *Môi trường sống* (ĐTB = 3.94). Như vậy, phần lớn SV đều cho rằng các yếu tố đặc điểm dân tộc có ảnh hưởng nhiều thích ứng của SV DTTS với hoạt động học tập.

- Đánh giá chung về các yếu tố ảnh hưởng đến thích ứng của sinh viên dân tộc thiểu số với hoạt động học tập

Nhìn chung, đối với cả ba nhóm dân tộc, trong các mặt của sự thích ứng học tập thì các yếu tố ảnh hưởng tác động mạnh tới mặt

thái độ, thứ hai là mặt hành vi, tác động ít hoặc không có mối quan hệ ảnh hưởng tới mặt nhận thức.

4.4. Một số biện pháp cơ bản nâng cao mức độ thích ứng của sinh viên dân tộc thiểu số với hoạt động học tập

4.4.1. Hoạt động nhằm tăng cường phương pháp giảng dạy của giảng viên theo hướng tiếp cận năng lực

+ Tổ chức được các hoạt động học tập theo nhóm cho sinh viên hòa nhập và nhanh thích ứng hơn trong giao tiếp với giảng viên và các bạn sinh viên khác.

+ Về mặt nhận thức, giảng viên chú ý tăng cường tính tích cực nhận thức như tư duy, tưởng tượng, trừu tượng hoá, tổng hợp, phân tích, sáng tạo,...

+ Về mặt hành vi, chú ý đến các biểu hiện: xác lập các hành động tích cực (tuân thủ nội quy lớp học), thực hiện các nhiệm vụ học tập (chú ý, tập trung, kiên trì, nỗ lực, trình bày thắc mắc, đóng góp cho thảo luận...) và tham gia vào các hoạt động tập thể (chơi trò chơi, giúp đỡ bạn bè trong học tập...).

4.4.2. Tổ chức nhóm, câu lạc bộ kỹ năng sống cho sinh viên

Tổ chức các hoạt động sinh hoạt nhóm, câu lạc bộ kỹ năng sống cho sinh viên dân tộc thiểu số là một biện pháp tác động để nâng cao mức độ thích ứng, giúp sinh viên thích ứng nhanh hơn với các hoạt động học tập ở trường đại học.

4.4.3. Kết quả tham vấn tâm lý cá nhân cho sinh viên

4.5.1. Trường hợp 1

Em N.Đ.H, giới Nam, học lớp ĐH V – T, Trường ĐH TT. Em là dân tộc Dao ở huyện QB tỉnh HG. H là người có mức độ thích ứng thấp với hoạt động học tập.

4.5.2. Trường hợp 2

Em N.N.A, giới Nam, học lớp ĐH TH. Em là người dân tộc Tày ở thị trấn...huyện C, tỉnh Tuyên Quang. A là người có mức độ thích ứng trung bình đối với hoạt động học tập.

Tham vấn tâm lý là biện pháp tác động tâm lý đòi hỏi thời gian dài và có tính chất chuyên môn, chuyên nghiệp. Mỗi sinh viên sẽ có vấn đề khó khăn khi thích ứng với hoạt động học tập, do đó khi tham vấn cho sinh viên cần căn cứ vào điều kiện của mỗi sinh viên mà nhà tham vấn thực hiện số buổi tham vấn sao cho phù hợp.

Tiểu kết chương 4

Nghiên cứu thực tiễn về thích ứng của sinh viên dân tộc thiểu số với hoạt động học tập cho thấy :

- Sinh viên có mức độ thích ứng Khá với hoạt động học tập thể hiện qua ba mặt nhận thức, thái độ và hành vi. Thích ứng học tập ở sinh viên có sự khác nhau, thay đổi theo các năm học. Càng về những năm cuối sinh viên thích ứng tốt hơn.

Luận án xây dựng một số biện pháp tác động nhằm nâng cao mức độ thích ứng học tập cho SV DTTS như tăng cường phương pháp giảng dạy cho giảng viên, tổ chức nhóm, câu lạc bộ kỹ năng sống, tham vấn tâm lý cho sinh viên.

KẾT LUẬN

1. Kết luận

1.1 Nghiên cứu lý luận cho thấy thích ứng của SV DTTS với HĐHT là quá trình SV DTTS tích cực, chủ động thay đổi, điều chỉnh về mặt tâm lý để khắc phục những khó khăn gặp phải trong hoạt động học tập và nhanh chóng thích ứng được những yêu cầu của hoạt động học tập trong từng điều kiện và hoàn cảnh khác nhau. Thích ứng là điều kiện quan trọng để SV đáp ứng được các yêu cầu của hoạt động học tập, mang đặc thù riêng so với HĐHT ở trường phổ thông.

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận, tổng hợp nhiều ý kiến của nhiều tác giả về thích ứng và hoạt động học tập, chúng tôi quan niệm: Thích ứng của SV DTTS biểu hiện qua ba mặt nhận thức, thái độ và hành vi, vận dụng kỹ năng trong học tập. Thích ứng của SV DTTS so với HĐHT là sự thay đổi một cách tích cực, chủ động của SV về nhận thức, thái độ, hành vi để vượt qua khó khăn nhằm đáp ứng được các yêu cầu của hoạt động học tập.

Thích ứng với HĐHT của SV DTTS chịu sự chi phối ảnh hưởng rất nhiều vào các yếu tố : Yếu tố chủ quan (tính cách cá nhân, tính tích cực hoạt động – giao tiếp, ý chí khắc phục khó khăn) và yếu tố khách quan (phương pháp giảng dạy của giảng viên, đặc điểm học tập, kiện và môi trường sống). Các yếu tố chủ quan có sự ảnh hưởng mạnh hơn yếu tố khách quan. Tuy nhiên các yếu tố này đều có vai trò và ảnh hưởng nhất định đến sự thích ứng của SV trong quá trình học tập ở trường đại học.

1.2 Nhìn chung mức độ thích ứng của SV DTTS với HĐHT thay đổi theo chiều hướng tích cực, gia tăng theo thời gian học tập. Điều này thể hiện ở nhận thức và thái độ học tập của các em ngày càng tốt hơn, đầy đủ chính xác hơn, quan hệ giao tiếp của các em với bạn học, với giảng viên tốt hơn, kĩ năng học tập thuần thục, thành thạo hơn.

Kết quả nghiên cứu thực tiễn đã cho chúng ta thấy phần lớn SV DTTS đạt mức độ thích ứng với hoạt động học tập ở mức độ Khá. Ba khía cạnh của thích ứng: Nhận thức- Thái độ và Hành vi, kết quả nghiên cứu cho thấy ở SV DTTS có mức độ thích ứng về thái độ cao nhất, tiếp theo là nhận thức và mặt hành vi có mức độ thích ứng thấp nhất. Kết quả nghiên cứu thực trạng cho thấy, theo logic chung thì mặt nhận thức và thái độ có mức độ thích ứng khá sẽ kéo theo mặt hành vi cũng thích ứng khá và đó là mối tương quan thuận với nhau. Nhưng kết quả nghiên cứu thực trạng thích ứng của SV DTTS cho thấy mặt hành vi chỉ đạt mức độ trung bình. Thực tế này phản ánh, SV DTTS là những người có nhận thức và thái độ tốt nhưng do một số hạn chế về tâm lý dân tộc, các điều kiện sống và tính tích cực hoạt động, giao tiếp đã tạo ra sự thích ứng thấp về mặt hành vi. Như vậy, SV muốn thành công trong học tập, thích ứng tốt và hòa nhập được tốt với môi trường đại học, các em phải luôn phát huy được các hành vi, kĩ năng tốt nhất vào học tập. Bởi vì hành vi quyết định rất nhiều đến sự thích ứng của SV, nó có thể tác động làm cho SV nâng cao khả năng thích ứng về mặt nhận thức và thái độ. Khi SV thích ứng tốt về mặt hành vi, tức là có sự thống nhất trong tâm lý của SV giữa mặt hình thức (hành vi) và mặt nội dung (nhận thức, thái độ). Do đó, nhà

trường đại học cần chú trọng những hoạt động thúc đẩy hành vi học tập ở SV nhiều hơn nữa. Như thế SV sẽ thích ứng nhanh hơn khi tham gia vào các hoạt động học tập.

1.3. Kết quả nghiên cứu cho thấy yếu tố chủ quan của SV DTTS có ảnh hưởng đến sự thích ứng của các em rất lớn. Sinh viên muốn học tập tốt cần phải có sự tích cực chủ động giao tiếp với bạn học, với giảng viên, tham gia vào các hoạt động trong nhà trường nhằm rèn luyện được các kỹ năng học tập, giao tiếp tốt, hình thành các phẩm chất tâm lý, bồi dưỡng các phẩm chất nhân cách cho bản thân không chỉ trong hoạt động học tập mà còn cả trong các hoạt động sống khác. Ngoài các yếu tố chủ quan, sự thích ứng của sinh viên cũng bị ảnh hưởng từ điều kiện sống đến tính cách, lối tư duy suy nghĩ, ... trong đó hình thức đào tạo, đặc điểm học tập, những yêu cầu của giảng viên, sự quản lý học sinh, sinh viên cũng ảnh hưởng đến sự thích ứng ở các em.

1.4. Một số biện pháp cơ bản có thể tác động nâng cao cao thích ứng của SV DTTS với hoạt động học tập như đổi mới phương pháp giảng dạy của giảng viên theo hướng tiếp cận năng lực, tổ chức sinh hoạt nhóm, câu lạc bộ kỹ năng sống và tham vấn tâm lý cho SV. Mỗi một biện pháp đều có vai trò quan trọng, có thể tác động thường xuyên và rất phù hợp với hoạt động học tập của SV ở trường đại học nói chung và SV DTTS nói riêng. Trong đó biện pháp tác động bằng tham vấn tâm lý là một biện pháp còn mới và rất hiệu quả đối với trường đại học hiện nay.

Kết quả tác động bằng tham vấn tâm lý nhằm nâng cao thích ứng cho SV DTTS cho thấy: Bằng các tác động tâm lý như trò

chuyện, đưa ra giải pháp,.. đã tác động làm thay đổi nhận thức, thái độ và hành vi ở SV DTTS theo chiều hướng tích cực hơn. Giúp SV nâng cao được mức độ thích ứng với HĐHT. Nếu sử dụng tham vấn tâm lý sẽ giúp SV giải quyết được kịp thời những khó khăn tâm lý làm cản trở sự thích ứng của họ. Tham vấn tâm lý là một biện pháp tác động sử dụng thời gian dài và đem lại hiệu quả cao trong việc nâng cao thích ứng với hoạt động học tập cho sinh viên nói chung và SV DTTS nói riêng trong các trường đại học.

2. Kiến nghị : Đối với sinh viên, giảng viên và nhà trường.

DANH MỤC CÁC BÀI VIẾT
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ

1. Mã Ngọc Thê, (2015), “Thích ứng của sinh viên dân tộc thiểu số với hoạt động học tập”, *Tạp chí Tâm lý học xã hội, số 5*

2. Mã Ngọc Thê, (2015), “Các yếu tố ảnh hưởng đến thích ứng của sinh viên dân tộc thiểu số với hoạt động học tập”, *Tạp chí Tâm lý học xã hội, số 7*

3. Mã Ngọc Thê, Nguyễn Thị Chính, Lê Minh Công, (2012), “Người chưa thành niên vi phạm pháp luật và sự thích ứng với cuộc sống trong trường giáo dưỡng” Sách chuyên khảo (nhiều tác giả) *Người chưa thành niên vi phạm pháp luật: Thực trạng và Giải pháp.* Nxb Đại học Quốc gia Tp Hồ Chí Minh.